

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

I. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: Giáo dục Mầm non
- Tên tiếng Anh: Ealy Childhood Education

2. Mã ngành đào tạo: 51140201

3. Loại hình đào tạo: Chính qui tập trung

4. Tên văn bằng: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Giáo dục Mầm non

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu giáo dục

Đào tạo nguồn nhân lực có năng lực đáp ứng tốt yêu cầu vị trí việc làm theo chuẩn chức danh nghề nghiệp; có khả năng thích ứng với xu thế của thị trường lao động, nhu cầu phát triển của kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng được xây dựng nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục mầm non thời kỳ hội nhập toàn cầu. Sinh viên tốt nghiệp có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp và sức khỏe để thực hiện công việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; có khả năng tự bồi dưỡng, có tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động, thích ứng với sự phát triển của giáo dục mầm non; sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tiếng Anh trong công việc; có khả năng học tập ở cấp học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

M1. Kiến thức

M1.1. Vận dụng được hệ thống tri thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

M1.2. Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản và các kiến thức chuyên ngành vào việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non.

M2. Kỹ năng

M2.1. Có năng lực nhận thức và tư duy sáng tạo trong lập kế hoạch, tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ.

M2.2. Có năng lực tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; năng lực giao tiếp, năng lực phát triển và tổ chức thực hiện được chương trình giáo dục mầm non.

M3. Thái độ

Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; hướng dẫn người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; tự đánh giá và đánh giá chất lượng thực hiện công việc của đồng nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CTĐT)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của CTĐT	Mục tiêu
3.1	<i>Kiến thức</i>	
	<i>2.1.1. Khối kiến thức, kỹ năng chung</i>	
CHO1	Vận dụng được những kiến thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc của giáo viên mầm non và thực tiễn cuộc sống;	M1.1
	<i>2.1.2. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản</i>	
CHO2	Vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản cần thiết vào việc hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non;	M1.1
	<i>2.1.3. Khối kiến thức ngành</i>	
	Vận dụng được những kiến thức về sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non, tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non, giáo dục học mầm non, vệ sinh - dinh dưỡng, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non, quan sát, đánh giá, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;	M1.2
CHO3	<i>2.1.4. Khối kiến thức chuyên ngành</i>	
	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về một trong những lĩnh vực: tổ chức các hoạt động phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm kỹ năng xã hội, làm quen với tiếng Anh trong trường mầm non, can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ, rối loạn ngôn ngữ, công tác xã hội trong trường mầm non vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non theo các mô hình giáo dục khác nhau	M1.2

CH04	Ứng dụng được kiến thức về công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non	M1.2
3.2.	Kỹ năng	
CH05	<i>2.1. Kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo</i>	M2.1
	Phát hiện, phân tích và giải quyết được vấn đề trong quá trình tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;	
	Quan sát, đánh giá được sự phát triển của trẻ và sử dụng kết quả đánh giá trong thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	M2.1
CH06	<i>2.2. Kỹ năng thực hành</i>	
	Kỹ năng tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe: Đảm bảo vệ sinh môi trường lớp học, tổ chức thực hiện các hoạt động vệ sinh, dinh dưỡng và chăm sóc trẻ hàng ngày; vận dụng được kiến thức về bệnh học và đảm bảo an toàn cho trẻ để phòng tránh, chăm sóc ban đầu một số bệnh, tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ; hướng dẫn trẻ bước đầu biết cách tự chăm sóc và đảm bảo an toàn cho bản thân.;	M2.2
	Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục: Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục; lựa chọn nội dung, thiết kế các hoạt động, sử dụng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục theo quan điểm “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; quản lý trẻ, quản lý nhóm, lớp có hiệu quả;	M2.2
	Phát triển và tổ chức thực hiện được chương trình giáo dục mầm non	M2.2
CH07	<i>2.3. Kỹ năng giao tiếp</i>	M2.2
	Sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp trong giao tiếp với các đối tượng khác nhau;	M2.2
	Quản lý được cảm xúc của bản thân, ứng xử một cách thân thiện và tôn trọng sự khác biệt của trẻ, phụ huynh và đồng nghiệp;	M2.2
	Thiết lập và duy trì được mối quan hệ hợp tác tích cực với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp	M2.2
CH08	Năng lực ngoại ngữ	M1.2
	Có năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tương đương bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	

3.3.	<i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>	M3
CH09	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong môi trường giáo dục mầm non hiện đại; Giải quyết được công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.	M3
CH10	Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp và phụ huynh trong thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;	M3
CH11	Tự đánh giá chất lượng công việc của bản thân sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; chất lượng thực hiện công việc của đồng nghiệp.	M3
3.4.	<i>Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp</i>	
	Sinh viên tốt nghiệp cử nhân Sư phạm giáo dục mầm non có thể thực hiện công việc ở các vị trí: <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên mầm non ở các cơ sở chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non Việt Nam và Quốc tế; - Giáo viên hướng dẫn thực hành nghề nghiệp cho giáo sinh ngành Giáo dục mầm non; - Tư vấn viên hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ em cho cha mẹ và cộng đồng; - Nhân viên thực hiện công tác chuyên môn về giáo dục mầm non tại các phòng, sở giáo dục và đào tạo; - Có thể được đào tạo nâng cao năng lực để trở thành giảng viên tại các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non hoặc cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục mầm non. 	
3.5.	<i>Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp</i>	
	Có khả năng tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở các cấp học cao hơn ở trong nước và nước ngoài thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non hoặc các lĩnh vực có liên quan.	

4. Thời gian đào tạo: 3 năm

5. Nội dung Chương trình đào tạo

5.1 Cấu trúc Chương trình đào tạo

Chương trình dạy học được chia làm 3 khối kiến thức - kỹ năng, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ tương ứng trong mỗi khối được trình bày trong bảng sau:

STT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ	Đóng góp CDR
1	Khối kiến thức - kỹ năng chung	19	1,2,4,5,8,9,10,11
2	Khối kiến thức - kỹ năng cơ bản	16	2,3,5,6,7,8,9,10
3	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	40	3,4,5,6,9,10,11
4	Chuyên đề (người học chọn 1 trong 8 CĐ)	6	
	<i>Phát triển ngôn ngữ, nhận thức</i>		3,5,6,7,9,11
	<i>Phát triển thể chất và tình cảm, kỹ năng xã hội</i>		3,5,6,9,10,11
	<i>Tổ chức hoạt động tạo hình</i>		3,6,9,11
	<i>Tổ chức hoạt động âm nhạc</i>		3,6,9,10
	<i>Tổ chức các hoạt động làm quen Tiếng Anh</i>		3,6,8,9,10
	<i>Giáo dục trẻ rối loạn phổ tự kỉ trong cơ sở giáo dục mầm non</i>		3,6,9
	<i>Giáo dục trẻ có rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp trong cơ sở giáo dục mầm non</i>		3,6,9
	<i>Công tác xã hội trong cơ sở giáo dục mầm non</i>		3,5,7,10,11
5	Thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp	9	2,3,5,6,7,9,10,11
6	Tốt nghiệp (Khóa luận hoặc hai học phần thay thế)	5	2,3,5,6,7,9,10,11
	Tổng	95	

Khối kiến thức, kỹ năng chung (19 tín chỉ) bao gồm: các học phần về lí luận chính trị, tư tưởng, pháp luật đại cương; tin học, tiếng Anh, quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành nhằm mục tiêu cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc của giáo viên mầm non và thực tiễn cuộc sống.

Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (16 tín chỉ) bao gồm các học phần: Tâm lý học, Giáo dục học đại cương; Tiếng Việt thực hành; Âm nhạc và múa; Giáo dục hòa nhập; Mỹ thuật; Tiếng Anh chuyên ngành nhằm mục tiêu cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng cần thiết cho việc hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non.

Khối kiến thức, kĩ năng chuyên ngành bắt buộc (38 tín chỉ): gồm các học phần: Sự phát triển thể chất; tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Vệ sinh dinh dưỡng; Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ; Các học phần phương pháp tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ ở trường mầm non; quan sát, đánh giá, tổ chức thực hiện chương trình; với mục tiêu giúp hình thành những kĩ năng thực hành chuyên sâu cho sinh viên để họ có khả năng vận dụng có hiệu quả vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non.

Khối kiến thức, kĩ năng chuyên ngành tự chọn (8 tín chỉ): Gồm các học phần thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau: Phát triển nhận thức - ngôn ngữ - tình cảm, kĩ năng xã hội; Tổ chức hoạt động tạo hình, âm nhạc, mỹ thuật, tiếng anh trong trường mầm non; Giáo dục đặc biệt; Công tác xã hội; Các phương pháp giáo dục tiên tiến...đem đến cho sinh viên cơ hội nâng cao những kiến thức, kĩ năng đã có; bổ trợ thêm kiến thức kĩ năng để họ có thể thích ứng với những môi trường làm việc năng động và hiện đại.

Thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp (9 tín chỉ): Đây là nội dung rất quan trọng trong chương trình đào tạo, nội dung này thể hiện rõ ràng mức độ mà sinh viên đạt được hầu hết các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Để có thể tốt nghiệp, sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn trong chương trình, đồng thời hoàn thành 17 tuần thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc mạng lưới cơ sở thực tập của trường. Sinh viên thực hiện các nhiệm vụ thực tập theo sự hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ, đánh giá của trưởng đoàn thực tập và các giáo viên hướng dẫn tại cơ sở giáo dục mầm non chỉ định. Trong quá trình thực tập, sinh viên thực hiện các công việc theo qui định của các học phần thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế tốt nghiệp (5 tín chỉ): Đây cũng là một nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo. Để được công nhận tốt nghiệp, sinh viên phải hoàn thiện Khóa luận tốt nghiệp và bảo vệ trước hội đồng, hoặc học và thi hết môn hai học phần thay thế thi tốt nghiệp.

Các khối kiến thức, kĩ năng được thiết kế sao cho nội dung đáp ứng được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5.2 Khung Chương trình đào tạo

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số tiết lên lớp			Thực tập tại cơ sở	Học phần tiên quyết
					LT	TL	TH /TN		
I.	Khối kiến thức, kỹ năng chung		19		229	72	40		
1.	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin I	LLCT100	2	1	25	10	0	Không	
2.	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin II	LLCT600	3	2	37	16	0	LLCT100	
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT300	2	3	25	10	0	LLCT600	
4.	Đường lối Cách mạng của Đảng CSVN	LLCT500	3	4	37	16	0	LLCT300	
5.	Tiếng Anh	19TA410	3	1	35	5	15	Không	
6.	Giáo dục thể chất 1	GDTC101	1,5	1	0	0	45	Không	
7.	Giáo dục thể chất 2	GDTC201	1,5	2	0	0	45	Không	
8.	Tin học	TINH100	2	1	15	5	25	Không	
9.	Pháp luật đại cương	PLĐC100	2	5	25	10	0	Không	
10.	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành	19NN100	2	5	30	0	0	Không	
11.	Giáo dục Quốc phòng-AN 1	GDQP100		3	37	8	0	Không	
12.	Giáo dục Quốc phòng-AN 2	GDQP200		3	22	8	0	Không	
13.	Giáo dục Quốc phòng-AN 3	GDQP300		3	14	0	16	Không	
14.	Giáo dục Quốc phòng-AN 4	GDQP400		3	4	0	56	Không	
II	Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản		16		170	70	70		
15.	Tâm lý học đại cương	TLGD101	2	1	20	20	0	Không	
16.	Giáo dục học đại cương	19ĐC100	3	1	35	20	0	Không	
17.	Tiếng Việt thực hành	21ĐC200	2	1	20	5	15	Không	
18.	Giáo dục hòa nhập	21ĐB500	2	2	20	10	10	19ĐC100	
19.	Âm nhạc và múa	21NT301	2	2	20	5	15	Không	
20.	Mỹ thuật	21NT401	2	1	20	5	15	Không	
21.	Tiếng Anh chuyên ngành	19TA411	3	6	35	5	15	19TA400	
III	Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành		40		440	115	205		
22.	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	21MN103	2	1	20	15	5	Không	
23.	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	21MN101	3	2	35	15	5	TLGD101	

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số tiết lên lớp			Thực tập tại cơ sở	Học phần tiên quyết
					LT	TL	TH /TN		
24	Giáo dục học mầm non	21MN100	3	2	35	15	5		19ĐC100
25	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ mầm non	21MN207	2	2	20	5	15		21MN103
26	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	21MN406	2	3	20	10	10		21M207
27	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	21NT302	2	2	20	5	15		21NT401
28	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	21NT300	2	3	20	5	15		21NT301
29	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	21MN305	2	2	20	5	15		21MN100
30	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi	21MN203	3	3	35	5	15		21MN100
31	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	24MN303	3	4	35	5	15		21MN103
32	Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non	21MN302	3	4	35	5	15		21MN100
33	Phương pháp khám phá môi trường xung quanh	21MN304	3	3	35	5	15		21MN101
34	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	21MN206	3	3	35	5	15		21MN100
35	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	21MN505	3	5	35	5	15		21MN203
36	Quan sát, đánh giá trong GDMN	21MN506	2	5	20	5	15		21MN203
	Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn A (Chọn 1 HP)		2	5	20	5	15		
37	Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN	21MN608	2	5	15	5	25		TINH100
37	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	24MN502	2	5	20	5	15		21MN103
37	Cơ sở giáo dục văn hóa VN cho trẻ mầm non	21MN507	2	5	20	5	15		Không
37	Một số học thuyết về sự phát	21MN604	2	5	20	5	15		21MN101

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số tiết lên lớp			Thực tập tại cơ sở	Học phần tiên quyết
					LT	TL	TH /TN		
	triển tâm lí trẻ em								
37	Phương pháp giáo dục Montessori	21MN602	2	5	20	5	15		21MN100
37	Phương pháp giáo dục Steiner/ Waldorf	21MN603	2	5	20	5	15		21MN100
37	Phương pháp tiếp cận Reggio Emilia	21MN605	2	5	20	5	15		21MN100
37	Giáo dục Stem trong cơ sở giáo dục mầm non	24MN607	2	5	20	5	15		21MN100
	Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn B (Chọn 1 chuyên đề)		6	4	60	15	45		
	<i>Chuyên đề: Phát triển nhận thức, ngôn ngữ</i>				60	15	45		
38	Kể chuyện sáng tạo và đóng kịch trong cơ sở giáo dục mầm non	24MN106	2	4	20	5	15		21MN206
39	Khoa học với trẻ mầm non	21MN403	2	4	20	5	15		21MN304
40	Toán học dành cho trẻ mầm non	24MN411	2	4	20	5	15		21MN302
	<i>Chuyên đề: Phát triển thể chất và tình cảm, kỹ năng xã hội</i>				60	15	45		
38	Tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	21MN409	2	4	20	5	15		21MN303
39	Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ nhà trẻ	21MN405	2	4	20	5	15		21MN203
40	Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo	21MN404	2	4	20	5	15		21MN203
	<i>Chuyên đề: Tổ chức các hoạt động tạo hình</i>				60	15	45		
38	Tạo hình trong cơ sở giáo dục mầm non	24NT405	2	4	20	5	15		21NT401
39	Trang trí và xếp đặt trong cơ sở giáo dục mầm non	24NT400	2	4	20	5	15		21NT401
40	Tổ chức hoạt động tạo hình trong cơ sở giáo dục mầm non	24NT406	2	4	20	5	15		21NT302
	<i>Chuyên đề: Tổ chức các</i>				60	15	45		

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số tiết lên lớp			Thực tập tại cơ sở	Học phần tiên quyết
					LT	TL	TH /TN		
	<i>hoạt động âm nhạc</i>								
38	Âm nhạc và múa trong cơ sở giáo dục mầm non	24NT403	2	4	20	5	15		21NT301
39	Nhạc cụ	21NT402	2	4	20	5	15		21NT301
40	Tổ chức hoạt động âm nhạc trong cơ sở giáo dục mầm non	24NT407	2	4	20	5	15		21NT301
	<i>Chuyên đề: Tổ chức các hoạt động làm quen với TA</i>				60	15	45		
38	Tiếng Anh trong cơ sở giáo dục mầm non	24TA412	2	4	20	5	15		Không
39	Phương pháp cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh	21TA400	2	4	20	5	15		Không
40	Tổ chức hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh	21TA414	2	4	20	5	15		Không
	<i>Chuyên đề: Giáo dục trẻ rối loạn phổ tự kỉ trong cơ sở giáo dục mầm non</i>				60	15	45		
38	Đánh giá trong can thiệp trẻ rối loạn phổ tự kỉ	21ĐB400	2	4	20	5	15		21ĐB500
39	Kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ	21ĐB401	2	4	20	5	15		21ĐB500
40	Can thiệp trẻ rối loạn phổ tự kỉ	21ĐB402	2	4	20	5	15		21ĐB500
	<i>Chuyên đề: Giáo dục trẻ có rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp trong cơ sở giáo dục mầm non</i>				59	17	44		
38	Đánh giá rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp ở trẻ mầm non	24ĐB403	2	4	20	5	15		21ĐB500
39	Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ có rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp	21ĐB404	2	4	20	8	12		21ĐB500
40	Can thiệp rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp ở trẻ mầm non	24ĐB405	2	4	20	5	15		21ĐB500

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số tiết lên lớp			Thực tập tại cơ sở	Học phần tiên quyết
					LT	TL	TH /TN		
	<i>Chuyên đề: Công tác xã hội trong cơ sở giáo dục mầm non</i>				60	15	45		
38	Phương pháp quản lý trường hợp trong cơ sở giáo dục mầm non	24ĐB406	2	4	20	5	15		21MN100
39	Công tác xã hội với trẻ mầm non có hoàn cảnh đặc biệt	21ĐB407	2	4	20	5	15		21MN100
40	Tham vấn trong cơ sở giáo dục mầm non	24ĐB408	2	4	20	5	15		21MN100
	Thực tập		9						
41	Thực tập nghề nghiệp 1	24MN410	3	4				5 tuần	4 học phần phương pháp
42	Thực tập nghề nghiệp 2	24MN508	2	5				4 tuần	24MN410
43	Thực tập tốt nghiệp	24MN609	4	6				8 tuần	24MN508
	Tốt nghiệp		5	6	55	10	30		
	Khóa luận tốt nghiệp	24MN611	5						24MN508
<i>Hoặc :</i>									
	<i>Học phần thay thế 1</i>		2						
44	Quản lý giáo dục mầm non	24MN606	2	6	20	5	15		24MN508
44	Nghề giáo viên mầm non	24MN612	2	6	20	5	15		24MN508
	<i>Học phần thay thế 2</i>		3						
45	Môi trường giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non	24MN610	3	6	35	5	15		24MN508
45	Chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non	24MN601	3	6	35	10	10		24MN508
	Tổng số 1626 tiết		95		953	281	392		

5.3 Ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Stt	Học phần	Chuẩn đầu ra									
		Kiến thức				Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		CH01	CH02	CH03	CH04	CH05	CH06	CH07	CH08	CH09	CH10
I.	Khối kiến thức, kỹ năng chung										
15.	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin I	3	2			2					
16.	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin II	3	2			1			1		1
17.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	2			2			3		3
18.	Đường lối Cách mạng của Đảng CSVN	3	2			1				2	2
19.	Tiếng Anh			2				2	2	2	2
20.	Giáo dục thể chất 1	2				2					2
21.	Giáo dục thể chất 2	2				2					2
22.	Tin học				3		1		1		
23.	Pháp luật đại cương	3	1						1	1	
24.	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành	3	2			1	1				
25.	Giáo dục Quốc phòng - AN 1										
26.	Giáo dục Quốc phòng - AN 2										
27.	Giáo dục Quốc phòng - AN 3										
28.	Giáo dục Quốc phòng - AN 4										
II	Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản										
15	Tâm lý học đại cương		3			2	2		3		
16	Giáo dục học đại cương	1	1			1			1	1	
17	Tiếng Việt thực hành		2				2		2	2	
18	Giáo dục hòa nhập			2		2			2		
19	Âm nhạc và múa			2		2			2	2	
20	Mỹ thuật			2		3			2		
21	Tiếng Anh chuyên ngành			2		2		2	2		
III	Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành										
22	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non			3		3			2		

Stt	Học phần	Chuẩn đầu ra										
		Kiến thức				Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
		CH01	CH02	CH03	CH04	CH05	CH06	CH07	CH08	CH09	CH10	CH11
23	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non			3		3	3			2		
24	Giáo dục học mầm non			2		2	2			2	1	
25	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ mầm non			3			3			2		
26	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non			3		3	3				2	3
27	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non			3			3			2		
28	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non			2			2			2	2	
29	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học			3			3			2		2
30	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi			3		3	3	1		3		
31	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non			3		2	3			3	3	
32	Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non			3		2	3					1
33	Phương pháp khám phá môi trường xung quanh			2			3			1	3	3
34	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non			3			3			2	2	2
35	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN			3		2	3			2		2
36	Quan sát, đánh giá trong GDMN			2			3			2		
	Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn A (Chọn 1 HP)											
37	Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN				3		2	1		2		
37	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non			3			3	3		3		
37	Cơ sở giáo dục văn hóa VN cho trẻ mầm non	2		1			1		2			

Stt	Học phần	Chuẩn đầu ra										
		Kiến thức				Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
		CH01	CH02	CH03	CH04	CH05	CH06	CH07	CH08	CH09	CH10	CH11
37	Một số học thuyết về sự phát triển tâm lí trẻ em		2	3		2				2		
37	Phương pháp giáo dục Montessori			3			3			2		
37	Phương pháp giáo dục Steiner/Waldorf			3		3				3		
37	Phương pháp tiếp cận Reggio Emilia			3			3			3		
37	Giáo dục Stem trong cơ sở giáo dục mầm non			3		3	2			2		
	Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn B (Chọn 1 chuyên đề)											
	<i>Chuyên đề: Phát triển nhận thức, ngôn ngữ</i>											
38	Kể chuyện sáng tạo và đóng kịch trong cơ sở giáo dục mầm non			2			2	2		2		
39	Khoa học với trẻ mầm non			3		3	3			3		
40	Toán học dành cho trẻ mầm non			3		3	3					2
	<i>Chuyên đề: Phát triển thể chất và tình cảm, kỹ năng xã hội</i>											
38	Tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non			3			3			2	2	
39	Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ nhà trẻ			2		3				2		2
40	Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo			2		3				2		2
	<i>Chuyên đề: Tổ chức các hoạt động tạo hình</i>											
38	Tạo hình trong cơ sở giáo dục mầm non			2			2			2		
39	Trang trí và xếp đặt trong cơ sở giáo dục mầm non			2			2					2
40	Tổ chức hoạt động tạo hình trong cơ sở giáo dục mầm non			3			3			2		

Stt	Học phần	Chuẩn đầu ra										
		Kiến thức				Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
		CH01	CH02	CH03	CH04	CH05	CH06	CH07	CH08	CH09	CH10	CH11
	<i>Chuyên đề: Tổ chức các hoạt động âm nhạc</i>											
38	Âm nhạc và múa trong cơ sở giáo dục mầm non			2		2			2	2		
39	Nhạc cụ			2		2			2	2		
40	Tổ chức hoạt động âm nhạc trong cơ sở giáo dục mầm non			2		2			2	2		
	<i>Chuyên đề: Tổ chức các hoạt động làm quen với TA</i>											
38	Tiếng Anh trong cơ sở giáo dục mầm non			2				2	2	2		
39	Phương pháp cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh			2		2		3	2			
40	Tổ chức hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh			2		2		2	2			
	<i>Chuyên đề: Giáo dục trẻ rối loạn phổ tự kỉ trong cơ sở giáo dục mầm non</i>											
38	Đánh giá trong can thiệp trẻ rối loạn phổ tự kỉ			3		3			3			
39	Kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ			2		2			2			
40	Can thiệp trẻ rối loạn phổ tự kỉ			3		3			3			
	<i>Chuyên đề: Giáo dục trẻ có rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp trong cơ sở giáo dục mầm non</i>											
38	Đánh giá rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp ở trẻ mầm non			2		2			2			
39	Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ có rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp			2		2			2			
40	Can thiệp rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp ở trẻ mầm non			2		2			2			

Stt	Học phần	Chuẩn đầu ra										
		Kiến thức				Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
		CH01	CH02	CH03	CH04	CH05	CH06	CH07	CH08	CH09	CH10	CH11
	<i>Chuyên đề: Công tác xã hội trong cơ sở giáo dục mầm non</i>											
38	Phương pháp quản lý trường hợp trong cơ sở giáo dục mầm non			2				3			2	2
39	Công tác xã hội với trẻ mầm non có hoàn cảnh đặc biệt			2		3		2			2	
40	Tham vấn trong cơ sở giáo dục mầm non			2		2		3			2	
	Thực tập											
41	Thực tập nghề nghiệp 1		2				3	2		2		2
42	Thực tập nghề nghiệp 2		2				3	3		3		
43	Thực tập tốt nghiệp		3			3		3		3	3	3
	Tốt nghiệp											
	Khóa luận tốt nghiệp											
<i>Hoặc :</i>												
	<i>Học phần thay thế 1</i>											
44	Quản lý giáo dục mầm non		3				2			1		1
44	Nghề giáo viên mầm non		2				3	3		3		
	<i>Học phần thay thế 2</i>											
45	Môi trường giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non			3		3	3				3	3
45	Chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non			3			3	2		3		2

6. Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính qui hoặc giáo dục thường xuyên).

- Các thí sinh thuộc diện được tuyển thẳng cần làm hồ sơ xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

7. Quy trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp

7.1. Phương thức đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

7.2. Tổ chức lớp học

Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của người học ở từng học kỳ.

Số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học tùy theo từng loại học phần được giảng dạy do Hiệu trưởng quyết định.

7.3. Đánh giá kết quả học tập

Điểm học phần

a) Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm học phần đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 4,00 trở lên sau khi đã quy đổi.

Ghi chú: đối với các học phần thực hành, thực tập tại cơ sở, đánh giá điểm học phần được thực hiện theo Quy định về thực hành thực tập của Trường.

Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ, năm học, khóa học.

Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

a) Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

+ A: là điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

+ i: là số thứ tự học phần;

+ a_i : là điểm của học phần thứ i;

+ n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i;

+ n: là tổng số học phần trong học kỳ, năm học, khóa học hoặc số tín chỉ đã tích lũy.

7.4. Điều kiện tốt nghiệp

- Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:
 - + Tích lũy đủ số học phần và khối lượng học tập quy định cho chương trình đào tạo.
 - + Được xếp loại đạt ở kỳ thi tốt nghiệp các môn Lý luận chính trị.
 - + Có đủ Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Giáo dục Thể chất theo quy định hiện hành.
 - + Có điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên theo thang điểm 4.
 - + Thỏa mãn các yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
 - + Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tính đến thời điểm xét tốt nghiệp.
 - + Có đơn gửi Trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.
- Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được Hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

8. Phương pháp dạy- học và kiểm tra đánh giá

8.1. Phương pháp dạy - học

Sử dụng đa dạng các phương pháp dạy và học như: thuyết trình, phát vấn, seminar, dạy học theo dự án, bài tập tình huống, thảo luận nhóm, thực hành, thực tập,...góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện trong bảng sau:

STT	Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo										
		CH01	CH02	CH03	CH04	CH05	CH06	CH07	CH08	CH09	CH10	CH11
1	Thuyết trình					X		X		X		
2	Phát vấn/Đàm thoại					X		X				
3	Semina	X	X		X	X		X		X	X	X
4	Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Giảng giải							X				
6	Làm mẫu/Thị phạm						X				X	

7	Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Bài tập tình huống		x	x	x	x	x	x		x	x	x
9	Giao nhiệm vụ/hướng dẫn học					x		x		x		x
10	Hoạt động nhóm		x	x	x	x	x	x		x	x	x
11	Luyện tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
12	Đóng vai	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
13	Sử dụng trò chơi			x	x	x	x	x		x	x	x
14	Truy vấn			x	x	x	x	x		x	x	x
15	Dạy học dự án					x	x	x		x	x	x

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Sử dụng đa dạng các phương pháp dạy và học như: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành tổ chức giờ học giả định, dự án theo nhóm, viết báo cáo ...góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện trong bảng sau:

STT	Phương pháp kiểm tra đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo										
		CH01	CH02	CH03	CH04	CH05	CH06	CH07	CH08	CH09	CH10	CH11
1	Tự luận	x	x	x		x	x	x		x	x	x
2	Bài tập lớn	x	x	x		x	x	x		x	x	x
3	Kết hợp tự luận và vấn đáp	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
4	Thực hành			x		x	x	x	x	x	x	x
5	Trắc nghiệm	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
6	Vấn đáp	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
7	Bài tập cá nhân	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Bài tập nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Thuyết trình cá nhân/nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Thực hành tổ chức giờ học giả định	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

11	Bài thực hành theo nhóm nhỏ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
12	Dự án theo nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
13	Viết báo cáo	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
14	Thực tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

9. Các CTĐT trong nước và ngoài nước được đối sánh

- Chương trình dạy học giáo viên mầm non trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang.
- Chương trình Giáo dục mầm non trình độ đại học của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.
- Chương trình dạy học giáo viên giáo dục và chăm sóc trẻ của học viện Seed Singapore.
- Chương trình đào tạo giáo viên mầm non của Cao đẳng Artevelde - Bỉ
- Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm mầm non Đại học Curtin - Australia

10. Mô tả tóm tắt học phần

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin I	2	Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Nội dung học phần được cấu trúc thành 3 chương. Chương I: Trình bày quan điểm của triết học Mác - Lênin về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Chương II: Trình bày các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương III: Trình bày các quy luật xã hội (về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, tồn tại xã hội và ý thức xã hội); quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, cách mạng xã hội và triết học về con người
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin II	3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2 trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản nhất về học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa với 2 học thuyết của C. Mác là học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư và 1 học thuyết của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
			<p>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2 còn cung cấp lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về Chủ nghĩa xã hội. Xuất phát từ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã đưa ra quan điểm về cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; từ đó, chúng ta có thể đánh giá chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.</p>
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	<p>Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh trang bị cho sinh viên kiến thức dân tộc và thời đại tác động đến sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về các quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam như: con đường giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam – tổ chức lãnh đạo cách mạng dân tộc; về nhà nước dân chủ, về đạo đức, chủ nghĩa xã hội, đại đoàn kết dân tộc... Học phần giúp sinh viên củng cố niềm tin vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn; nâng cao năng lực, khả năng vận dụng các quan điểm của Hồ Chí Minh vào việc nhận thức, lý giải những vấn đề mà thực tiễn xã hội đang đặt ra.</p>
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	<p>Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng, về quan điểm, đường lối của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới. Từ đó giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào công cuộc đổi mới đất nước và có thể vận dụng những kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...</p>
5	Tiếng Anh	3	<p>Học phần Tiếng Anh gồm 10 bài với 10 chủ đề khác nhau, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cần thiết trong thế kỷ 21: sự sáng tạo, tư duy phản biện sự hợp tác và hiểu biết về các nền văn hóa thế giới. Thông qua các nội dung trong sách, sinh viên được rèn luyện cả 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Ngữ pháp được trình bày rõ ràng, cụ thể đi kèm với những ví dụ. Từ vựng được giới thiệu theo chủ đề, tập trung vào cấp độ bậc 2 và có hình ảnh minh họa sinh động.</p>

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
6	Giáo dục Thể chất 1	1.5	<p>Trang bị cho sinh viên phát huy những khả năng phối hợp vận động. Giúp sinh viên phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo. Cải thiện được những vấn đề về sức khỏe, nâng cao được chất lượng cuộc sống mà thực tiễn xã hội đang đặt ra.</p> <p>Học phần trang bị cho sinh viên về tác dụng của TDTT đối với con người, các nguyên tắc về phương pháp tập luyện TDTT. Một số trạng thái bệnh lý thường gặp, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Một số điều luật và phương pháp tổ chức thi đấu cơ bản của môn học.</p>
7	Giáo dục Thể chất 2	1.5	<p>Trang bị cho sinh viên phát huy những khả năng phối hợp vận động. Giúp sinh viên phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo. Cải thiện được những vấn đề về sức khỏe, nâng cao được chất lượng cuộc sống mà thực tiễn xã hội đang đặt ra.</p> <p>Học phần trang bị cho sinh viên về tác dụng của TDTT đối với con người, các nguyên tắc về phương pháp tập luyện TDTT. Một số trạng thái bệnh lý thường gặp, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Một số điều luật và phương pháp tổ chức thi đấu cơ bản của môn học.</p>
8	Tin học	2	<p>Cung cấp cho sinh viên hệ thống những kiến thức liên quan đến những kiến thiết cơ bản của Tin học, cách sử dụng Hệ điều hành, mạng máy tính, phần mềm soạn thảo văn bản Word, và Bảng tính Excel, mối quan hệ giữa các kiến thức Tin học, Hệ điều hành, Mạng máy tính, phần mềm soạn thảo văn bản Word và Bảng tính Excel với nhau</p>
9	Pháp luật đại cương	2	<p>Học phần bao gồm kiến thức lý luận chung về nhà nước và pháp luật như: nguồn gốc, bản chất, chức năng, vai trò của nhà nước và pháp luật; quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. Ngoài ra học phần còn gồm các kiến thức về các ngành luật cơ bản như: Luật Hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Hành chính, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Lao động, Luật Hình sự, Luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hình sự, Pháp luật về Phòng chống Tham nhũng.</p>

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
10	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành	2	<p>Học phần gồm 05 chương, cung cấp cho người học hệ thống các khối kiến thức về Tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước, nền Hành chính nhà nước, công vụ, công chức, viên chức; khối kiến thức về các quy định của Đảng, Nhà nước và Ngành giáo dục đối với bậc học giáo dục mầm non và hiện trạng giáo dục mầm non hiện nay. Học phần góp phần hình thành ý thức chấp hành pháp luật của Nhà nước, phẩm chất và ý thức chấp hành các quy định của ngành đối với giáo viên mầm non.</p>
11	Tâm lý học đại cương	2	<p>Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp cho người học những tri thức khoa học, hệ thống về các hiện tượng tâm lý cơ bản, giúp người học hiểu được bản chất, sự hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý đó; mối quan hệ giữa chúng; các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý, nhân cách; chức năng vai trò của tâm lý đối với hoạt động của con người.</p>
12	Giáo dục học đại cương	3	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển xã hội và cá nhân. Bước đầu giới thiệu về hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam, những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường. Sinh viên nắm được các con đường giáo dục cơ bản trong Nhà trường, bước đầu biết cách hình thành phát triển nhân cách cho học sinh và biết cách nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non. Qua đó sinh viên có ý thức tự giáo dục, rèn luyện bản thân để đáp ứng yêu cầu của nhà trường và của công việc sau này</p>
13	Tiếng Việt thực hành	2	<p>Học phần cung cấp và hệ thống hóa cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về ngôn ngữ tiếng Việt: quá trình hình thành và phát triển tiếng Việt, đặc điểm loại hình, các quy tắc viết đúng chính tả tiếng Việt, đặc điểm cấu tạo từ và câu tiếng Việt, đặc trưng của văn bản, các kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản tiếng Việt.</p> <p>Học phần tập trung chủ yếu vào việc rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt: phân tích các đặc trưng của văn bản; phong cách chức năng ngôn ngữ của các loại hình văn bản; rèn kỹ năng tiếp nhận và tạo lập đoạn văn/văn bản.</p>
14	Giáo dục hòa nhập	2	<p>Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản bao gồm: (i) Những vấn đề tổng quan về giáo dục hòa nhập: Khái niệm,</p>

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
			<p>quan điểm tiếp cận, cơ sở tiếp cận giáo dục hòa nhập, xu thế của giáo dục hòa nhập và đối tượng giáo dục hòa nhập; (ii) Tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật trong trường mầm non: Tìm hiểu khả năng, nhu cầu, môi trường phát triển của trẻ; Hỗ trợ các hoạt động nhóm cho trẻ khuyết tật; (iii) Hỗ trợ cá nhân cho trẻ khuyết tật trong lớp hòa nhập, thực hành xây dựng kế hoạch; (iv) Đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật trong trường mầm non.</p>
15	Âm nhạc và Múa	2	<p>Học phần cung cấp các nội dung về Nhạc lý cơ bản theo cách đơn giản kết hợp các bài tập thực hành hát và xướng âm giúp cho người học nắm được những kiến thức âm nhạc cơ bản ban đầu cũng như có kỹ năng thể hiện chính xác các bài hát ngắn của trẻ mầm non. Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về nghệ thuật âm nhạc để từ đó sinh viên biết cách cảm nhận và đánh giá các yếu tố và thuộc tính cơ bản trong âm nhạc, đây chính là nền tảng trong quá trình học tập, rèn luyện và nghiên cứu âm nhạc.</p>
16	Mỹ thuật	2	<p>Những vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình: khái niệm, một số loại hình trong nghệ thuật tạo hình, ý nghĩa của nghệ thuật tạo hình đối với đời sống; các khái niệm, kiến thức cơ bản và phương pháp áp dụng về : luật xa gần, tỷ lệ người – mặt người, hình họa, màu sắc, trang trí, tranh bố cục, nặn. Hệ thống các kiến thức và kỹ năng phóng tranh, vẽ, xé – cắt dán, tranh minh họa, trang trí; kỹ thuật làm và sử dụng đồ chơi cho trẻ mầm non.</p>
17	Tiếng Anh chuyên ngành	3	<p>Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Giáo dục mầm non bao gồm: Một số khái niệm về tiếng Anh chuyên ngành, một số nguyên tắc cơ bản trong việc tiếp cận và xử lý văn bản/đoạn diễn ngôn về chuyên ngành bằng tiếng Anh chuyên ngành; Từ vựng tiếng Anh chuyên ngành thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non và các ngành gần, ngành liên quan.</p>
18	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	<p>Học phần tập trung vào các nội dung: sự phát triển cơ thể trẻ em qua các thời kì; theo dõi, đánh giá một số chỉ số thể chất của trẻ; ảnh hưởng của các yếu tố bên trong và bên ngoài tới sự phát triển thể chất của trẻ; sự phát triển về hình thái, cấu tạo, hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ; chăm sóc và</p>

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
			phát triển các hệ cơ quan; liên hệ sự phát triển của cơ thể trong việc học tập các học phần chuyên ngành và chăm sóc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.
19	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	Học phần Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non hệ thống hóa cho sinh viên những vấn đề lý luận chung của tâm lý học trẻ em, các dạng hoạt động cơ bản đặc biệt chú trọng đến các hoạt động chủ đạo của trẻ ở từng giai đoạn lứa tuổi. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên nhận diện được quá trình hình thành, phát triển tâm lý, nhân cách của trẻ em lứa tuổi mầm non từ đó giúp người học xây dựng một nhân quan khoa học để làm chủ quá trình học tập, rèn luyện và trở thành người giáo viên có tay nghề vững vàng thực hiện tốt công tác giáo dục mầm non.
20	Giáo dục học mầm non	3	Tìm hiểu những vấn đề chung của giáo dục học mầm non bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, hình thức giáo dục mầm non. Tìm hiểu khái quát về mục tiêu, nguyên tắc, nội dung giáo dục mầm non. Từ đó hướng dẫn sinh viên từng bước tiếp cận và tổ chức các hoạt động giáo dục trong trường mầm non: hoạt động học, lao động, lễ hội, dạo chơi, tham quan cũng như tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ ở trường mầm non.
21	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ mầm non	2	Dinh dưỡng cho trẻ lứa tuổi mầm non chiếm một vị trí rất quan trọng cho sự phát triển thể chất trẻ em. Với mỗi một giai đoạn phát triển, trẻ sẽ có những đặc điểm về tâm sinh lý khác nhau. Vì vậy cần phải có một chế độ nuôi dưỡng chăm sóc vệ sinh khoa học phù hợp. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể trẻ, những khuyến nghị về nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng, gợi ý một số cách chế biến món ăn, hướng dẫn cách xây dựng thực đơn và chế độ dinh dưỡng phù hợp theo các nhóm tuổi. Ngoài ra, học phần còn giúp cho sinh viên hiểu rõ về quy trình tổ chức thực hiện chế độ chăm sóc vệ sinh cho trẻ trong ngày một cách khoa học; qua đó hình thành cho trẻ những kỹ năng vệ sinh, kỹ năng tự phục vụ và các thói quen có lợi cho sức khỏe phù hợp theo từng giai đoạn phát triển của trẻ.
22	Phòng bệnh và đảm bảo	2	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ chiếm một vị trí rất quan trọng trong sự phát triển thể chất cũng như tinh thần ở trẻ em

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
	an toàn cho trẻ mầm non		lứa tuổi mầm non. Trẻ em ở lứa tuổi này còn non yếu về nhiều mặt nên nguy cơ bị bệnh và tai nạn là rất cao. Chính vì vậy, học phần Phòng bệnh và đảm bảo an toàn sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên nhân gây ra bệnh và tai nạn, các dấu hiệu bất thường nhằm phát hiện được sớm các dấu hiệu bệnh lý hay các tai nạn để có cách xử lý chăm sóc đúng và kịp thời; các biện pháp phòng giảm bớt nguy cơ bị bệnh cũng như tai nạn cho trẻ lứa tuổi mầm non, giúp trẻ phát triển một cách toàn diện.
23	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	2	<p>Những vấn đề chung của hoạt động tạo hình trong trường MN: khái niệm, mục đích, nhiệm vụ, cơ sở lí luận và thực tiễn, nội dung, phương pháp.</p> <p>Tổ chức các hoạt động tạo hình cho trẻ trong trường MN: Hoạt động vẽ và tô màu; Hoạt động nặn; Hoạt động xé và cắt dán; Hoạt động chấp ghép, in - rập - thổi màu; Hoạt động cho trẻ tiếp xúc với các tác phẩm nghệ thuật tạo hình.</p> <p>Phương pháp tổ chức các hình thức giáo dục tạo hình cho trẻ trong trường mầm non: Hình thức giờ học và các hình thức khác; Lập kế hoạch cho hoạt động tạo hình; Đánh giá hoạt động tạo hình.</p>
24	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	2	<p>Những kiến thức cơ bản về âm nhạc trong trường mầm non: Vai trò, nhiệm vụ giáo dục âm nhạc trong trường mầm non; nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non; lập kế hoạch và tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non theo lứa tuổi.</p>
25	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	2	<p>Học phần trang bị và hệ thống hoá cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm tâm lý ảnh hưởng đến việc tiếp nhận văn học của trẻ mầm non, đặc điểm văn học của trẻ mầm non, nội dung, hình thức, các phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với văn học, phân tích vai trò của văn học với sự phát triển của trẻ mầm non, nhiệm vụ của việc cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học. Học phần này còn hướng dẫn sinh viên tổ chức các hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với văn học, xây dựng môi trường, lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá quá trình cho trẻ làm quen với văn học ở trường mầm non.</p>
26	Phương pháp tổ chức	3	<p>Học phần cung cấp cho người học những tri thức cần thiết về tổ chức hoạt động chơi, hoạt động với đồ vật cho trẻ nhà trẻ</p>

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
	hoạt động vui chơi		và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo. Từ đó giúp các em có kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tổ chức hoạt động và đánh giá kết quả đạt được trên trẻ trong lĩnh vực hoạt động với đồ vật và hoạt động vui chơi theo từng độ tuổi ở trường mầm non.
27	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức khoa học thuộc lĩnh vực phát triển thể chất, bao gồm: một số khái niệm cơ bản của lĩnh vực giáo dục thể chất, mục đích, nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; các nguyên tắc, phương pháp giáo dục thể chất, nội dung và hình thức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. Học xong học phần này sinh viên lập được kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục thể chất cho trẻ mầm non theo các độ tuổi giúp trẻ mầm non phát triển toàn diện.
28	Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non	3	“Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non” chiếm một vị trí quan trọng trong quá trình đào tạo cử nhân sư phạm giáo dục mầm non. Học phần không chỉ trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận về quá trình hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non như vai trò, nhiệm vụ, các nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non (Tập hợp, con số, phép đếm; kích thước; hình dạng; định hướng không gian và thời gian), lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá quá trình hình thành các biểu tượng toán ở trường mầm non mà còn chỉ ra cho họ thấy sự cần thiết phải cung cấp đầy đủ, kịp thời các biểu tượng toán cho trẻ trước khi trẻ đến trường tiểu học nhằm đáp ứng những yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của xã hội.
29	Phương pháp khám phá môi trường xung quanh (MTXQ)	3	Học phần đem đến cơ hội học tập, nghiên cứu cho sinh viên về một số khái niệm cơ bản; mục tiêu, nhiệm vụ cho trẻ khám phá MTXQ; ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá MTXQ ở trường mầm non; đặc điểm nhận thức của trẻ về MTXQ; các nguyên tắc cho trẻ khám phá MTXQ. Nội dung và các phương pháp khám phá MTXQ trong trường mầm non. Tổ chức các hoạt động khám phá MTXQ ở các độ tuổi trong trường mầm non theo các hình thức giáo dục.

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
30	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phát triển ngôn ngữ trong trường mầm non: khái niệm, cơ sở khoa học, quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non; nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Sinh viên lựa chọn, xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho trẻ mầm non nói chung và trẻ có khó khăn về ngôn ngữ nói riêng; Xây dựng môi trường và đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non.</p>
31	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	3	<p>Nội dung học phần giúp sinh viên có kiến thức lý luận chung về chương trình giáo dục mầm non như khái niệm, cấu trúc, quan điểm tiếp cận khi biên soạn và thực hiện chương trình, được tìm hiểu, đánh giá một số chương trình GDMN trong và ngoài nước. Từ đó, người học được thực hành kỹ năng phát triển, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện chương trình, và vận dụng những kiến thức, kỹ năng này trong thực tế công việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non tại trường mầm non.</p>
32	Quan sát, đánh giá trong giáo dục mầm non	2	<p>Cung cấp những hiểu biết cơ bản về hoạt động quan sát, đánh giá trong giáo dục mầm non: Khái niệm, mục đích, nguyên tắc, nội dung, phương pháp quan sát và đánh giá trong giáo dục mầm non. Từ đó hướng dẫn tổ chức hoạt động quan sát và đánh giá trong giáo dục mầm non: quy trình, thực hành quan sát và đánh giá trong giáo dục mầm non.</p>
33	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong Giáo dục mầm non	2	<p>Cung cấp cho sinh viên hệ thống những kiến thức liên quan đến khai thác các tư liệu điện tử hỗ trợ hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ; thiết kế bài giảng điện tử bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; một số phần mềm hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ mầm non (Kidsonline, Nutrikids, Kidsmart, Kidsloop, phần mềm trên trang www.cunghoc.vn v.v.); một số phần mềm xử lý hình ảnh, âm thanh.</p>
34	Giáo dục Kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2	<p>Học phần Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về các vấn đề liên quan đến kỹ năng sống như hệ thống các khái niệm, phân loại, ý nghĩa của kỹ năng sống, thực trạng và nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống, từ đó giúp sinh viên có khả năng lựa chọn nội dung,</p>

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
			phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ theo từng độ tuổi một cách sáng tạo, hiệu quả.
35	Cơ sở giáo dục văn hoá Việt Nam cho trẻ mầm non	2	Học phần cung cấp và hệ thống hóa cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: nhận diện được khái niệm văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật; phân tích được những ảnh hưởng của môi trường tự nhiên và môi trường xã hội tới văn hóa Việt Nam; diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam; sự tiếp xúc và giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và các nền văn hóa khác; đặc điểm cơ bản của văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa xã hội của Việt Nam; đặc trưng văn hóa ở một số vùng miền trên đất nước. Đồng thời, học phần còn giúp sinh viên vận dụng phù hợp, sáng tạo các nội dung và phương pháp trong việc tổ chức giáo dục văn hóa Việt Nam cho trẻ mầm non.
36	Một số học thuyết về sự phát triển tâm lý trẻ em	2	Học phần đi sâu nghiên cứu 3 học thuyết lớn về sự phát triển tâm lý trẻ em là: tâm lý học hoạt động, tâm lý học nhận thức và phân tâm học. Mỗi học thuyết được nghiên cứu ở các khía cạnh: tiểu sử của nhà tâm lý học đại diện cho học thuyết, nội dung chính của học thuyết về sự phát triển tâm lý trẻ em và vận dụng học thuyết để phát triển tâm lý cho trẻ mầm non.
37	Phương pháp giáo dục Montessori	2	Những kiến thức chính xác, khoa học về phương pháp giáo dục Montessori một trong những phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới hiện nay, bao gồm: cuộc đời và sự nghiệp của Maria Montessori; sự hình thành và phát triển phương pháp giáo dục Montessori; các quan điểm của Maria Montessori về trẻ em; các đặc trưng và mục tiêu của phương pháp giáo dục Montessori; cách tổ chức lớp học Montessori; các góc hoạt động cơ bản trong lớp học Montessori giúp người học có những hiểu biết nhất định để vận dụng vào việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non, góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ.
38	Phương pháp giáo dục Steiner/ Waldorf	2	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp của Rudolf Steiner; quan điểm của Steiner về trẻ em và giáo dục trẻ em; cách tổ chức các hoạt động trong lớp học Waldorf/ Steiner: sinh hoạt vòng tròn; chơi tự do; nhịp điệu; kể chuyện; tạo hình và thủ công; âm nhạc và chuyển động

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
39	Phương pháp tiếp cận Reggio Emilia	2	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc/ lịch sử phát triển của cách tiếp cận Reggio Emilia; quan điểm về trẻ em, giáo viên, phụ huynh và cộng đồng; quan điểm về nghệ thuật; môi trường giáo dục, dự án học tập theo cách tiếp cận Reggio Emilia; Hồ sơ quan sát ghi nhận quá trình phát triển của trẻ theo cách tiếp cận Reggio Emilia.</p>
40	Giáo dục STEM trong cơ sở giáo dục mầm non	2	<p>Những vấn đề tổng quan về Stem: khái niệm STEM, STEAM, ích lợi của STEM đối với giáo viên, cán bộ quản lý và ý nghĩa của STEM đối với sự phát triển của trẻ nhỏ, những đặc trưng cơ bản của STEM, sự phù hợp của giáo dục STEM trong giáo dục mầm non. Hướng dẫn cách thức tổ chức các hoạt động trong giáo dục STEM: Dạy học dựa trên truy vấn, Quy trình thiết kế kỹ thuật, bài học 5 E.</p>
41	Kể chuyện sáng tạo và đóng kịch trong cơ sở giáo dục mầm non	2	<p>Học phần trang bị và hệ thống hóa cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ trong trường mầm non, đặc biệt là hoạt động dạy trẻ kể chuyện sáng tạo và hoạt động dạy trẻ đóng kịch. Sinh viên không chỉ nhận ra các quan niệm, mức độ và hình thức kể chuyện sáng tạo, một số yếu tố ảnh hưởng đến tính sáng tạo trong hoạt động kể chuyện của trẻ mầm non mà còn có thể lựa chọn, hướng dẫn tổ chức các hoạt động dạy trẻ kể chuyện sáng tạo. Đồng thời, sinh viên nhận biết các quan niệm, đặc điểm, mục đích, phân loại, phương pháp dạy trẻ đóng kịch trong trường mầm non; Tổ chức hướng dẫn hoạt động dạy trẻ đóng kịch; Xây dựng môi trường và đánh giá tính sáng tạo của trẻ mầm non trong hoạt động dạy trẻ kể chuyện và đóng kịch.</p>
42	Khoa học với trẻ mầm non	2	<p>Học phần đem đến cơ hội học tập, nghiên cứu phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên theo hướng tiếp cận những tiến bộ của khoa học giáo dục. Sinh viên được học tập và nghiên cứu các vấn đề lí luận về khoa học với trẻ mầm non. Trong đó đề cập đến một số khái niệm cơ bản; ý nghĩa của khám phá khoa học đối với sự phát triển toàn diện của trẻ; các nguyên tắc tổ chức khám phá khoa học cho trẻ mầm non. Tổ chức các hoạt động khám phá khoa học ở trường mầm non.</p>

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
43	Toán học dành cho trẻ mầm non	2	<p>Học phần hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản giúp sinh viên khám phá sự phát triển hiểu biết về toán học ở trẻ mầm non, giúp họ nhận ra cuộc sống hàng ngày của trẻ nhỏ chứa đầy những hoạt động và trò chơi liên quan đến toán học và trẻ sẵn sàng đi học để kết nối với những trải nghiệm này với thế giới phong phú xung quanh. Học phần cũng giúp sinh viên nhận ra các cơ hội để tạo ra những kết nối này bằng cách tập trung vào niềm vui và sự tò mò vốn có đằng sau lý luận toán học của trẻ nhỏ; cách trẻ áp dụng các kỹ năng toán học vào giải quyết các tình huống khác nhau trong cuộc sống; cách giáo viên tương tác hiệu quả với trẻ để hỗ trợ sự phát triển toán học ở những trẻ có các mức độ nhận thức khác nhau; cách kết nối thế giới toán học của trẻ ở trường học và ở nhà.</p>
44	Tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	2	<p>Nội dung cơ bản trong học phần: các đặc điểm phát triển sinh lý vận động của trẻ từ 0-6 tuổi; các điều kiện về cơ sở vật chất để giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; đánh giá các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; xây dựng môi trường và thiết kế các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có đầy đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế môi trường giáo dục thể chất cho trẻ cả trong và ngoài lớp học cũng như tự thiết kế các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ phù hợp với đặc điểm phát triển sinh lý vận động của trẻ.</p>
45	Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ nhà trẻ	2	<p>Học phần: “Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo cung cấp những vấn đề chung về giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ nhà trẻ: khái niệm, ý nghĩa, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo 0 - 3 tuổi”.</p>
46	Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo	2	<p>Học phần: “Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo cung cấp những vấn đề chung về giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo: khái niệm, ý nghĩa, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo 3 -6 tuổi”.</p>
47	Tạo hình trong cơ sở giáo dục	2	<p>Những vấn đề về: khái niệm, phương pháp, kỹ năng, kỹ thuật áp dụng vào các hoạt động tạo hình khác nhau trong cơ sở giáo dục mầm non; Kỹ năng tạo hình tổng hợp các chất liệu, kỹ năng</p>

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
	mầm non		thể hiện chất liệu, cách phối hợp các chất liệu để thể hiện; Thực hành sáng tác tạo ra các tác phẩm, sản phẩm trong từng hoạt động, chất liệu và đa chất liệu phục vụ cho giáo dục mầm non.
48	Trang trí và xếp đặt trong cơ sở giáo dục mầm non	2	<p>Những vấn đề chung gồm vai trò, nhiệm vụ, các nguyên tắc trong trang trí; nội dung, hình thức và kế hoạch trang trí và xếp đặt trong cơ sở giáo dục mầm non: Trang trí và xếp đặt khuôn viên cơ sở giáo dục MN, Trang trí và xếp đặt trong phòng, lớp mầm non, Trang trí và xếp đặt các góc hoạt động, Trang trí xếp đặt ngày hội, ngày lễ trong cơ sở giáo dục MN; Lập kế hoạch, thiết kế, thực hiện, đánh giá quá trình trang trí và xếp đặt ở cơ sở giáo dục mầm non.</p>
49	Tổ chức hoạt động tạo hình trong cơ sở giáo dục mầm non	2	<p>Hệ thống hoá nội dung, các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình trong cơ sở giáo dục mầm non, lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động tạo hình trong cơ sở giáo dục mầm non, phương pháp dạy năng khiếu tạo hình cho trẻ mầm non; Tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm nghệ thuật tạo hình (TP - NTTH), mục đích, ý nghĩa, yêu cầu đối với việc cho trẻ làm quen với các TP - NTTH, các phương pháp, các hình thức cho trẻ làm quen với các TP - NTTH; Đánh giá các hoạt động tạo hình trong cơ sở giáo dục mầm non, điều chỉnh các hoạt động tạo hình phù hợp với thực tiễn.</p>
50	Âm nhạc và Múa trong cơ sở giáo dục mầm non	2	<p>Học phần Âm nhạc và múa trong cơ sở giáo dục mầm non có vị trí, vai trò quan trọng trong việc giáo dục thẩm mỹ, nghệ thuật cho trẻ. Học phần này cung cấp cho sinh viên các khái niệm gam giọng, điệu thức, cách xác định giọng và dịch giọng các bài hát trong trường mầm non; các phương tiện diễn tả, đặc điểm âm nhạc, chức năng của hình thức thể loại các bài hát trong trường mầm non. Hướng vận dụng kỹ thuật ca hát, các chất liệu múa để thể hiện, biên đạo, dàn dựng các bài hát, múa trong chương trình tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non, hình thành thị hiếu thẩm mỹ cho trẻ.</p> <p>Là học phần quan trọng và có sức hấp dẫn đối với sinh viên ngành giáo dục mầm non, giúp sinh viên vận dụng khả năng sáng tạo, tư duy tổng quát, biết cách làm việc nhóm và quan trọng hơn cả là có khả năng sư phạm để truyền đạt đến trẻ một bài hát, múa</p>

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
			<p>một cách hiệu quả nhất. Bên cạnh việc được giải phóng cơ thể, thỏa mãn cảm xúc nghệ thuật sinh viên được vận dụng mọi kỹ năng, kỹ thuật từ học phần âm nhạc, hát, múa cơ bản để tạo nên một tiết mục biểu diễn trong hoạt động âm nhạc tại cơ sở giáo dục mầm non nơi mà các sinh viên công tác sau này.</p>
51	Nhạc cụ	2	<p>Học phần trang bị cho sinh viên: Các kiến thức và kỹ năng sử dụng đàn và kỹ thuật sử dụng và trình diễn các tác phẩm viết cho đàn phím điện tử; Các kỹ thuật cơ bản của tay phải, tay trái. Kỹ thuật luyện ngón gam trưởng, thứ từ không đến 2 dấu hóa và hệ thống các bài tập ứng dụng: Các Etude, các tác phẩm piano, các tác phẩm, bài hát mầm non chuyển soạn cho đàn phím điện tử có sử dụng phần đệm tự động, theo phong cách piano (Giới thiệu các kỹ thuật cơ bản về đệm đàn phím điện tử. Thực hành đệm một số bài hát trong chương trình giảng dạy ở cơ sở giáo dục mầm non).</p>
52	Tổ chức hoạt động Âm nhạc trong cơ sở giáo dục mầm non	2	<p>Học phần củng cố các phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục Âm nhạc trong cơ sở giáo dục mầm non: Nghe, ca hát, vận động theo nhạc và múa, trò chơi Âm nhạc; thực hành các kỹ năng thể hiện cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc, các kỹ năng lời cuốn trẻ, tổ chức các hoạt động âm nhạc, lập kế hoạch và dàn dựng các chương trình âm nhạc trong trường. Học phần củng cố các tư thế, dáng dấp, động tác múa cơ bản nâng cao của một số vùng miền tiêu biểu; thực hành luyện tập các động tác múa cơ bản của các dân tộc, ứng dụng múa minh họa cho các bài hát mầm non; giúp sinh viên nắm vững nguyên tắc dàn dựng, biên soạn động tác múa cho trẻ mầm non, minh họa, biểu diễn.</p>
53	Tiếng Anh trong cơ sở giáo dục mầm non	2	<p>Nắm được từ vựng, cấu trúc tiếng Anh thiết yếu dùng trong cơ sở giáo dục mầm non, các kiến thức cơ bản về văn phong diễn đạt trong sử dụng tiếng Anh trong trường mầm non, các nguyên tắc, phương pháp cơ bản trong việc lên kế hoạch hàng ngày.</p> <p>Giao tiếp bằng tiếng Anh với trẻ, phụ huynh và đồng nghiệp trong trường mầm non.</p>
54	Phương pháp cho trẻ	2	<p>- Nắm được những kiến thức cơ bản về sự hình thành năng lực ngôn ngữ, khả năng thụ đắc ngôn ngữ thứ hai ở trẻ.</p>

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
	mẫu giáo làm quen tiếng Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Biết hát một số bài hát, kể các câu chuyện cho trẻ bằng tiếng Anh một cách chính xác, biểu cảm. - Biết thiết kế các hoạt động, trò chơi phù hợp với các độ tuổi của trẻ nhằm tạo môi trường tự nhiên giúp trẻ làm quen với tiếng Anh. - Vận dụng phương pháp tổ chức các hoạt động ngôn ngữ tiếng Anh cho trẻ mầm non vào việc thiết kế các hoạt động cho trẻ mầm non phù hợp theo các độ tuổi. - Bồi dưỡng năng lực giao tiếp, hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự nghiên cứu; khả năng sử dụng kiến thức kỹ năng tin học trong lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động trong cơ sở giáo dục mầm non. - Hình thành tình yêu với môn học, tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
55	Tổ chức hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh	2	<p>Các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của việc thiết kế các giáo án cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh phù hợp theo các độ tuổi; Sinh viên nắm được các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của việc tổ chức các hoạt động cho trẻ mầm non làm quen Tiếng Anh, từ đó có thể tổ chức được các hoạt động phù hợp cho trẻ mẫu giáo làm quen Tiếng Anh theo các độ tuổi.</p> <p>Lập kế hoạch tổ chức hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh; Đánh giá một cách cơ bản một giờ tổ chức hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh; Đánh giá quá trình phát triển của trẻ mầm non trong việc làm quen với tiếng Anh và lập báo cáo gửi cho gia đình trẻ</p> <p>Sử dụng được ngoại ngữ đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</p>
56	Đánh giá trong can thiệp trẻ rối loạn phổ tự kỉ	2	<p>Đánh giá trong can thiệp cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ có một vị trí đặc biệt trong việc tổ chức can thiệp hỗ trợ cho sự phát triển của trẻ có nguy cơ hoặc trẻ mắc rối loạn phổ tự kỷ. Học phần này cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận về (i) Những vấn đề cơ bản về trẻ RLPTK; (ii) Những vấn đề chung về đánh giá trong can thiệp trẻ RLPTK; (iii) Đánh giá trong can thiệp trẻ RLPTK.</p>
57	Xây dựng kế hoạch giáo	2	<p>Việc xây dựng và lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ có một vị trí đặc biệt trong việc tổ chức can thiệp</p>

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
	đục cá nhân cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ		hỗ trợ cho sự phát triển của trẻ rối loạn phổ tự kỷ. Học phần này cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận về những vấn đề chung về lập kế hoạch giáo dục cá nhân như: khái niệm cấu trúc, ý nghĩa của bản kế hoạch giáo dục cá nhân. Đặc biệt hơn, học phần giúp cho sinh viên có các kỹ năng đánh giá khả năng nhu cầu, xây dựng mục tiêu, lập kế hoạch giáo dục, cũng như cách thức triển khai kế hoạch đó một cách hiệu quả nhất cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ.
58	Can thiệp trẻ rối loạn phổ tự kỉ	2	Học phần can thiệp cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ cung cấp các kiến thức cơ bản về nội dung, phương pháp và các hình thức can thiệp cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ. Giúp sinh viên thiết kế và lựa chọn các biện pháp phù hợp vào các hoạt động can thiệp cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ.
59	Đánh giá rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp ở trẻ mầm non	2	Trẻ trong độ tuổi mầm non là giai đoạn có sự phát triển mạnh mẽ về ngôn ngữ. Tuy nhiên, nhiều trẻ có sự chậm trễ nhất định mà cha mẹ vì không nhận biết được hoặc chủ quan không để ý đến sự thiếu hụt, khó khăn của trẻ. Vì thế, giáo viên mầm non đóng một vai trò rất quan trọng trong việc phát hiện sớm những biểu hiện của sự chậm trễ đó để có sự tư vấn giúp đỡ trẻ và gia đình cho kịp thời và phù hợp; Do vậy, học phần này sẽ đề cập đến những vấn đề cơ bản như: Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em; Những rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp thường gặp ở trẻ em; Quy trình, nội dung đánh giá và một số phương pháp để nhận diện trẻ có rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp ở lứa tuổi mầm non.
60	Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ có rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp	2	Ngôn ngữ là phương tiện đặc biệt để giao tiếp và để tư duy. Khi có sự phát triển chậm trễ về ngôn ngữ sẽ có ảnh hưởng đến sự phát triển các chức năng tâm lý khác. Do vậy, cần lập kế hoạch hỗ trợ giúp trẻ có nguy cơ rối loạn ngôn ngữ, giao tiếp cho kịp thời; Vì vậy, học phần sẽ đề cập đến những vấn đề cơ bản như: Nội dung học phần bao gồm khái niệm, mục đích, ý nghĩa xây dựng KHGDCN cho trẻ có rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp; Các xác định mục tiêu, chiến lược và cách tiếp cận cho từng nhóm trẻ (nhóm tiền ngôn ngữ, ngôn ngữ sớm và nhóm ngôn ngữ phát triển) có rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp lứa tuổi mầm non.

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
61	Can thiệp rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp ở trẻ mầm non	2	<p>Có rất nhiều trẻ có khó khăn thậm chí là có rối loạn về ngôn ngữ ở độ tuổi mầm non. Tuy nhiên, cha mẹ đôi khi chưa nhận biết hết được hoặc chủ quan, không chấp nhận và không có những sự hỗ trợ, giúp đỡ trẻ kịp thời. Do vậy, giáo viên mầm non đóng một vai trò rất quan trọng trong việc phát hiện cũng như hỗ trợ trẻ có cơ hội cải thiện hoặc phát triển tốt hơn tình trạng ngôn ngữ hiện tại của trẻ. Vì vậy, nội dung học phần này sẽ đề cập đến những vấn đề về nội dung, hình thức, phương pháp/chiến lược can thiệp những rối loạn ngôn ngữ, lời nói và giao tiếp cho trẻ nhỏ lứa tuổi mầm non.</p>
62	Phương pháp quản lý trường hợp trong cơ sở giáo dục mầm non	2	<p>Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về khái niệm và mục đích của phương pháp quản lý trường hợp trong cơ sở giáo dục mầm non; Các nguyên tắc cơ bản trong quản lý trường hợp trẻ trong trường mầm non; Các giai đoạn trong quy trình quản lý trường hợp để hỗ trợ giải quyết vấn đề của trẻ trong trường mầm non.</p>
63	Công tác xã hội với trẻ mầm non có hoàn cảnh đặc biệt	2	<p>Học phần giúp cho sinh viên nhận biết được các đối tượng trẻ có hoàn cảnh đặc biệt trong các cơ sở giáo dục mầm non, hiểu về tâm lý, môi trường sống của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt để phân tích đánh giá vấn đề mà trẻ gặp phải. Đồng thời những kiến thức về luật pháp, chính sách dành cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt sẽ giúp cho quá trình trợ giúp trẻ sẽ đạt hiệu quả cao hơn.</p>
64	Tham vấn trong cơ sở giáo dục mầm non	2	<p>Đánh giá được các vấn đề khó khăn cần được tham vấn của trẻ, giáo viên và cán bộ quản lý trong trường mầm non, hiểu và thực hiện đúng nguyên tắc cơ bản trong tham vấn; áp dụng được các kỹ năng tham vấn trong việc thực hiện được các buổi tham vấn hỗ trợ các đối tượng giải quyết vấn đề về trong cơ sở giáo dục mầm non.</p>
65	Thực tập nghề nghiệp 1	3	<p>Tìm hiểu về mô hình, cơ cấu tổ chức, vai trò, nhiệm vụ của các thành viên trong trường mầm non; Tìm hiểu thực tiễn hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong trường mầm non và vận dụng kiến thức đã học để tổ chức một số hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo độ tuổi được phân công thực tập; xây dựng được môi trường học tập cho trẻ và thực hiện quản lý nhóm trẻ (1/2 lớp học).</p>

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
66	Thực tập nghề nghiệp 2	2	<p>Tìm hiểu về mô hình, cơ cấu tổ chức, vai trò, nhiệm vụ của các thành viên trong trường mầm non; Tìm hiểu thực tiễn hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong trường mầm non và vận dụng kiến thức đã học để tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo độ tuổi được phân công thực tập; xây dựng được môi trường học tập cho trẻ và thực hiện quản lý nhóm trẻ (1/2 lớp học).</p>
67	Thực tập tốt nghiệp	4	<p>Thực tập tốt nghiệp là mốc thời gian quan trọng không những rèn luyện tay nghề cho sinh viên mà còn là cơ sở để Nhà trường đánh giá chất lượng về sản phẩm đào tạo của mình. Trong đợt thực tập này sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của giáo viên tại trường mầm non với kiến thức và kỹ năng sư phạm nhuần nhuyễn. Đồng thời, tiếp tục rèn luyện và xây dựng hình ảnh, tác phong người giáo viên mầm non chuyên nghiệp, năng động thông qua các hoạt động hàng ngày tại trường mầm non.</p>
68	Quản lý giáo dục mầm non	2	<p>Sinh viên được tìm hiểu về khái niệm, chức năng, mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp quản lý, các văn bản chỉ đạo công tác quản lý giáo dục mầm non. Những vấn đề về quản lý trường mầm non: vị trí, tính chất, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy trường mầm non, hiệu trưởng – chủ thể quản lý trường mầm non, nghiệp vụ quản lý trường mầm non. Những vấn đề về quản lý nhóm lớp: vai trò của giáo viên mầm non trong công tác quản lý nhóm lớp, nghiệp vụ quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non.</p>
69	Nghề giáo viên mầm non	2	<p>Học phần được chia làm 3 chương với 3 vấn đề lớn: khái quát về nghề giáo viên mầm non. Nội dung chính của học phần giới thiệu những kỹ năng nghề nghiệp của người giáo viên mầm non; yêu cầu đối với người giáo viên mầm non và cung cấp những kiến thức về giao tiếp và ứng xử của người giáo viên mầm non.</p>
70	Môi trường giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non	3	<p>Học phần đề cập đến kiến thức lí luận về môi trường giáo dục và hướng dẫn xây dựng môi trường giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non. Cụ thể là: Một số khái niệm về môi trường giáo dục; Tầm quan trọng của môi trường giáo dục đối với sự phát triển của trẻ mầm non; Phân loại môi trường giáo dục; Các</p>

TT	Tên Học phần	Số tín chỉ	Mô tả
			nguyên tắc xây dựng môi trường giáo dục; Hướng dẫn xây dựng môi trường giáo dục trong nhóm/lớp mầm non và ngoài trời.
71	Chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non	3	<p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển cơ thể trẻ lứa tuổi mầm non, từ đó xây dựng chế độ dinh dưỡng, chăm sóc phòng bệnh đảm bảo an toàn cho trẻ. Trong mỗi giai đoạn phát triển, đòi hỏi sinh viên cần biết được những thay đổi về đặc điểm sinh lý về cơ thể trẻ em để sắp xếp quy trình thực hiện các chế độ chăm sóc sức khỏe khoa học. Quá trình chăm sóc nuôi dưỡng vệ sinh sẽ sớm hình thành cho trẻ những thói quen có lợi cho sức khỏe, những kỹ năng tự phục vụ bản thân và các kỹ năng tự bảo vệ bản thân. Đồng thời, sinh viên biết phối kết hợp với gia đình và cộng đồng để tổ chức các hoạt động giáo dục chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ cả về thể lực và tinh thần.</p>

TRƯỞNG KHOA

(đã ký)

TS. Nguyễn Thị Hồng Vân